

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ văn bản số 79/UBND-VP5 ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Ninh Cường, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000);

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 08/03/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc điều chỉnh thời gian lập Quy hoạch, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh đến năm 2030;

Xét văn bản số 149/SXD-QH ngày 20/12/2023 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000);

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Trực Ninh tại Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 05/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000), với nội dung sau:

I. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ

1. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng (QH - 01).
2. Bản đồ hiện trạng các chức năng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (QH - 02).
3. Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (QH - 03).
4. Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng (QH - 04).
5. Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (QH - 05).
6. Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị (QH - 06).
7. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đến năm 2030 (QH - 07).
8. Bản vẽ thiết kế đô thị (QH - 08).
9. Bản đồ Quy hoạch Giao thông (QH - 09).
10. Bản đồ Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH - 10).
11. Bản đồ quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang (QH - 11).
12. Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH - 12).
13. Bản đồ quy hoạch hệ thống điện, cung cấp năng lượng và hạ tầng viễn thông thụ động (QH - 13).

II. MỤC TIÊU, TÍNH CHẤT VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000).

2. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch

- Phạm vi: Toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Cát Thành với tổng diện tích là 825,57ha.

- Ranh giới:

+ Phía Bắc giáp xã Trục Tuấn.

+ Phía Đông giáp xã Việt Hùng.

+ Phía Nam giáp huyện Hải Hậu qua sông Ninh Cơ.

+ Phía Tây giáp xã Trục Đạo.

3. Mục tiêu

- Xây dựng thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh trở thành đô thị văn minh, hiện đại theo hướng đô thị xanh; kết nối giữa 02 trung tâm đô thị lớn là thành phố Nam Định và đô thị Thịnh Long + Rạng Đông (thuộc Khu kinh tế Ninh Cơ).

- Kết hợp với việc đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông trọng điểm cấp tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội thị trấn, điểm nhấn trong chuỗi đô thị tỉnh Nam Định.

4. Tính chất, chức năng đô thị

- Là một trong các trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện Trực Ninh; đô thị thuộc vùng kinh tế nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ của tỉnh; khu vực có tầm quan trọng, ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Là khu vực đô thị văn minh, hiện đại dựa trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

5. Động lực phát triển đô thị

- Thị trấn Cát Thành thuộc vùng vành đai, vùng phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, làng nghề của tỉnh Nam Định. Tương lai sẽ hình thành tuyến đường Trực Tuấn - Yên Định (tuyến nhánh của tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển) là tuyến giao thông huyết mạch, trọng điểm của tỉnh Nam Định, tạo tuyến kết nối liên vùng, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh đồng thời dọc theo tuyến giao thông cũng sẽ hình thành hành lang phát triển các chức năng, tạo lợi thế trong thu hút đầu tư trên địa bàn thị trấn trong tương lai.

- Thị trấn Cát Thành là trung tâm hành chính, văn hoá, xã hội của huyện Trực Ninh, phát triển mạnh về dịch vụ thương mại, vị trí dọc theo TL.488B cũ, nằm giữa 2 thị trấn Cổ Lễ và Yên Định.

- Thị trấn Cát Thành có ngành nghề truyền thống với tay nghề lao động cao, có cụm công nghiệp Cát Thành, tạo lợi thế cho phát triển kinh tế. Các công trình hạ tầng đầu mối và các dự án phát triển đô thị sẽ tạo sự phát triển nhanh hơn nữa cho thị trấn trong giai đoạn tới.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuận lợi; hệ thống các cơ sở hạ tầng kinh tế ngày càng được đầu tư phát triển, mở rộng quy mô cũng như chất lượng; không gian đô thị với hệ thống hạ tầng xã hội được đầu tư tương đối hoàn chỉnh là nhân tố chính tạo ra sự phát triển theo hướng bền vững cho thị trấn Cát Thành trong giai đoạn tiếp theo.

III. CHỈ TIÊU KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Quy mô

- Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2030 là 20.000 người

- Dự báo lao động xã hội:

+ Tỷ lệ lao động hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm 80%.

+ Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp chiếm 20%.

- Quy mô đất đai: Toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Cát Thành là 825,57ha.

2. Dự báo chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đối với đô thị loại V.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ, THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

1. Định hướng phát triển đô thị

Thị trấn Cát Thành trong tương lai phát triển chủ đạo về phía Đông, ngoài ra còn phát triển lan toả từ khu vực đô thị hiện hữu, trên cơ sở khai thác lợi thế của trục đường Trục Tuấn - Yên Định chạy qua phía Đông thị trấn và khai thác hiệu quả từ một phần quỹ đất nông nghiệp chưa xây dựng trên địa bàn thị trấn.

2. Phân khu vực phát triển

Định hướng phát triển thị trấn Cát Thành chia làm 4 phân khu chức năng phát triển, cụ thể như sau:

Bảng quy hoạch phân khu vực chức năng đô thị

| Tên phân khu | Tính chất | Diện tích (ha) | Quy mô dân số (người) |
|--|--|-----------------------|------------------------------|
| Khu vực 1 - Khu vực phía Đông sông Cát Chử và phía Bắc tuyến đường kết nối từ TL488B cũ đến đường Trục Tuấn - Yên Định | Khu vực trung tâm công cộng, phát triển đô thị và dịch vụ thương mại, nông nghiệp và quốc phòng, an ninh | 208,4 | 2.970 |
| Khu vực 2 - Khu vực phía Đông sông Cát Chử và phía Nam tuyến đường kết nối từ TL488B cũ đến đường Trục Tuấn - Yên Định | Khu vực phát triển tổng hợp đa lĩnh vực, đa chức năng và quốc phòng, an ninh | 362,77 | 10.100 |
| Khu vực 3 - Khu vực phía Tây sông Cổ Lễ - Cát Chử và phía Nam TL488B cũ | Khu vực trung tâm hành chính công cộng cấp thị trấn, phát triển đô thị, dịch vụ và nông nghiệp | 123,6 | 3.730 |
| Khu vực 4 - Khu vực phía Tây sông Cổ Lễ - Cát Chử và phía Bắc TL488B cũ | Khu vực phát triển đô thị, dịch vụ và nông nghiệp | 130,8 | 3.200 |
| Tổng | | 825,57 | 20.000 |

3. Phân vùng kiến trúc cảnh quan

Không gian kiến trúc cảnh quan trên địa bàn thị trấn được phân chia thành 03 vùng chính: (1) Vùng đô thị trung tâm, (2) Vùng lõi xanh, (3) Vùng cảnh quan tự nhiên.

4. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính

4.1. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

4.1.1. Các khu vực trung tâm

Tiếp tục khai thác các công trình đã được đầu tư xây dựng tương đối hoàn chỉnh, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ, thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với công trình xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

Đối với khu vực định hướng phát triển mới tại phía Nam và phía Bắc thị trấn trong các bước nghiên cứu thiết kế tiếp theo cần tạo cho khu vực này có không gian kiến trúc đặc trưng, đa dạng và có ý nghĩa văn hoá thông qua bố cục các tổ hợp và kiểu mẫu kiến trúc công trình.

4.1.2. Các trục chủ đạo

- Trục cảnh quan dọc trục đường Trục Tuấn - Yên Định: Chú trọng thiết kế cảnh quan hai bên đường, dải cây xanh phân cách kết hợp với tổ chức giao thông khu vực đảm bảo an toàn giao thông đặc biệt là tại nút giao với tuyến đường đôi quy hoạch mới của thị trấn đồng thời vẫn mang tính hiện đại, thu hút sự chú ý để hình thành một khu đô thị thương mại, công nghiệp năng động tại khu vực.

- Trục cảnh quan dọc 02 trục đường đôi quy hoạch mới (kết nối với trục TL488B cũ, đường Trục Tuấn - Yên Định và tuyến hàng lang bảo vệ đê kết hợp tuyến tránh đô thị): Định hướng bố trí hệ thống các trung tâm lớn của thị trấn như: Khu trung tâm thể dục thể thao, khu dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí, khu đô thị. Định hướng thiết kế đô thị cảnh quan hai bên trục đường kết hợp với tổ chức giao thông khu vực theo hướng hiện đại, thu hút sự chú ý, đảm bảo an toàn giao thông.

- Trục cảnh quan dọc trục TL488B cũ và các đường trục chính nội thị hiện hữu: Thiết kế cảnh quan đô thị dọc các trục giao thông này bằng hệ thống đèn led, pa nô, biểu ngữ, vừa tạo điểm nhấn trang trí cho khu vực, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh thị trấn.

- Trục cảnh quan dọc tuyến đường tránh đô thị: Thiết kế cảnh quan đô thị dọc trục giao thông phần lớn giữ nguyên cảnh quan sinh thái, hoặc phát triển các chức năng đảm bảo khai thác, phát huy các yếu tố cảnh quan sinh thái, phát triển theo hướng không gian xanh, tạo dựng hình ảnh đô thị ven sông Ninh Cơ vừa mang tính hiện đại văn minh, vừa giữ gìn nét đặc trưng riêng của cảnh quan vùng đồng bằng Bắc bộ, giá trị cảnh quan đồng ruộng, sông nước.

4.1.3. Các khu vực cửa ngõ

Hình thành 3 khu vực cửa ngõ chính của đô thị:

- Cửa ngõ phía Bắc: Là khu vực cửa ngõ gắn liền với tuyến đường đôi thị trấn hiện hữu (đoạn đường đôi thuộc TL488B cũ hiện nay).

- Cửa ngõ phía Đông: Là khu vực điểm giao của 2 tuyến giao thông Trục Tuấn - Yên Định và trục đường đôi quy hoạch mới (kết nối từ phía Đông Bắc trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND thị trấn đến đường Trục Tuấn - Yên Định).

- Cửa ngõ phía Tây: khu vực tiếp giáp với xã Trục Đạo trên tuyến TL488B cũ hiện nay.

4.1.4. Các điểm nhấn chính

Các công trình tạo điểm nhấn cần được quan tâm đề ra các giải pháp quy hoạch kiến trúc cảnh quan độc đáo, bao gồm: Trung tâm hành chính, công cộng cấp thị trấn; các trục cảnh quan đô thị; không gian khu vực cửa ngõ phía Bắc (kết nối với xã Trục Tuấn), khu vực cửa ngõ phía Tây (kết nối với xã Trục Đạo), khu vực cửa ngõ phía Đông (nút giao giữa đường Trục Tuấn - Yên Định và tuyến đường đôi kết nối từ TL488B cũ đến đường Trục Tuấn - Yên Định); trung tâm của các khu đô thị khu vực, khu dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí tổng hợp tập trung.

4.1.5. Tổ chức bố trí cây xanh đô thị tập trung

- Tổ chức bố trí trồng cây xanh dọc theo các tuyến giao thông đô thị, tăng mỹ quan đồng thời cải tạo môi trường giao thông đô thị.

- Bố trí các tuyến cây xanh dọc hệ thống sông, kênh, tạo thành hệ thống cây xanh liên hoàn vừa điều hoà môi trường và tạo cảnh quan đặc trưng.

4.2. Định hướng không gian chiều cao

- Chiều cao xây dựng các công trình tuân thủ theo quy chuẩn về quy hoạch xây dựng.

- Đối với khu công trình dịch vụ công cộng cấp vùng, cấp đô thị: Tầng cao tối đa 9 tầng.

- Đối với các khu dân cư, khu đô thị: Khu dân cư hiện hữu tầng cao tối đa 5 tầng, khuyến khích phát triển các loại hình nhà vườn, nhà truyền thống. Đối với các khu đô thị mới, khu dân cư phát triển mới tầng cao xây dựng tối đa 7 tầng, các công trình nhà ở dọc các trục đường chính đô thị khuyến khích tối thiểu 3 tầng.

- Các khu công viên cây xanh nên xây dựng công trình thấp tầng hài hoà với không gian xanh và mặt nước, tầng cao tối đa 3 tầng.

- Dọc theo các trục đường chính đô thị, các đường chính khu vực khuyến khích xây dựng nhà cao tầng tối đa không quá 21 tầng đối với các loại hình dịch vụ thương mại.

- Khu vực phát triển công nghiệp: tầng cao xây dựng tối đa không quá 5 tầng đối với công trình hành chính - dịch vụ và 5 tầng đối với công trình nhà xưởng.

V. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Bảng thống kê sử dụng đất đến năm 2030

| TT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|----------|--------------------------------|----------------|-----------|
| I | KHU ĐẤT DÂN DỤNG | | |
| 1 | Đất nhóm nhà ở | 227,68 | 27,58 |
| | - Đất làng xóm | 175,46 | |
| | - Đất ở mới | 52,22 | |
| 2 | Đất giáo dục | 7,19 | 0,87 |
| 3 | Đất dịch vụ - công cộng | 16,22 | 1,97 |
| 4 | Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị | 0,65 | 0,08 |

| TT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|------------|--|-----------------------|------------------|
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | 18,66 | 2,26 |
| 6 | Đất giao thông đô thị | 88,90 | 10,77 |
| 7 | Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị | 10,31 | 1,25 |
| II | KHU ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG | | |
| 1 | Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng | 81,36 | 9,86 |
| 2 | Đất trung tâm giáo dục đào tạo, nghiên cứu | 2,30 | 0,28 |
| 3 | Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị | 0,07 | 0,01 |
| 4 | Đất trung tâm y tế | 2,97 | 0,36 |
| 5 | Đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao | 2,15 | 0,26 |
| 6 | Đất cây xanh chuyên dụng | 8,30 | 1,00 |
| 7 | Đất di tích, tôn giáo | 5,72 | 0,69 |
| 8 | Đất an ninh | 0,20 | 0,02 |
| 9 | Đất quốc phòng | 20,68 | 2,50 |
| 10 | Đất hỗn hợp | 4,50 | 0,55 |
| 11 | Đất giao thông đối ngoại | 16,50 | 2,00 |
| 12 | Đất hạ tầng kỹ thuật khác | 4,24 | 0,51 |
| III | KHU ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC | | |
| 1 | Đất sản xuất nông nghiệp | 215,15 | 26,06 |
| 2 | Đất dự trữ phát triển | 23,69 | 2,87 |
| 3 | Đất sông suối, mặt nước | 67,53 | 8,18 |
| 4 | Đất chưa sử dụng | 0,60 | 0,07 |
| | Tổng | 825,57 | 100,00 |

VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

1.1. Giao thông đối ngoại

- Đường Trục Tuấn - Yên Định: Cập nhật hướng tuyến đường đường Trục Tuấn - Yên Định, chạy qua phía Đông thị trấn, quy mô đường cấp I đồng bằng.

- TL488B cũ: Thực hiện nâng cấp, cải tạo theo Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định.

1.2. Giao thông đối nội

* Các đường trục chính đô thị: Gồm các trục đường chính liên kết các trung tâm đô thị, liên hệ trực tiếp với đường Trục Tuấn - Yên Định, TL488B cũ, mặt cắt ngang rộng từ 11,5m ÷ 28m:

- Quy hoạch tuyến đường đôi kết nối TL488B cũ (khu vực phía Đông Bắc trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND thị trấn) đến đường Trục Tuấn - Yên Định với quy mô mặt cắt ngang 28m.

- Quy hoạch tuyến đường kết nối từ tuyến Trục Tuấn - Yên Định thuộc địa phận xã Trục Tuấn qua phía Tây khu vực chùa Linh Quang Tự đến đê Tả sông Ninh Cơ, kết hợp với đường giao thông dưới đê kết hợp tạo thành vành đai tránh đô thị, gồm 2 đoạn: Đoạn từ xã Trục Tuấn đến đê Tả Ninh Cơ quy hoạch với quy mô mặt cắt ngang rộng 20,5m. Đoạn giao thông chạy dưới đê quy hoạch với quy mô mặt cắt ngang rộng 11,5m.

- Quy hoạch mới tuyến đường đôi kết nối từ đường vành đai đô thị (quy hoạch mới) tại phía Đông Bắc tổ dân phố Hồng Thịnh giao với TL488B cũ qua phía Đông khu công viên cây xanh trung tâm thị trấn đến đê Tả Ninh, quy mô mặt cắt ngang 28m.

* Đường phân khu vực và đường nội đô thị: Gồm các tuyến có vai trò kết nối các khu chức năng với các trục chính và đường khu vực đô thị

Đối với trục giao thông giáp sông, kênh, cần có giải pháp ở phía lề giáp sông, kênh để đảm bảo an toàn giao thông và tạo cảnh quan như lắp hộ lan, tôn lượn sóng,...

1.3. Các công trình đầu mối giao thông

- Xây dựng cầu qua sông Cổ Lễ - Cát Chử trên các tuyến đường đôi quy hoạch mới.

- Xây dựng các nút giao thông tại các điểm giao giữa các trục giao thông đối ngoại và các đường trục chính đô thị.

- Thực hiện nâng cấp, cải tạo hệ thống cầu dân sinh trên địa bàn thị trấn, đảm bảo tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng.

1.4. Giao thông công cộng, giao thông tĩnh

Xác định nhu cầu đất dành cho bãi đỗ xe tĩnh cần áp dụng tính toán cụ thể cho từng khu vực. Đối với thị trấn Cát Thành, dự kiến phân làm 2 khu vực:

- Khu vực cải tạo, chỉnh trang đô thị (khu vực trung tâm đô thị hiện hữu, khu vực làng xóm hiện hữu): Nghiên cứu bố trí chung với bãi đỗ xe của các khu vực lân cận; đối với các khu vực trung tâm có mật độ giao thông lớn, có thể nghiên cứu thiết kế bố trí dưới các khu cây xanh.

- Khu vực xây dựng mới, phát triển mở rộng:

+ Tính toán, thiết kế các bãi đỗ xe cho phép cả lượng xe quá cảnh qua khu vực này lưu đỗ, đồng thời ghép diện tích bãi đỗ xe các khu vực lân cận, hạn chế việc đỗ xe dưới lòng đường.

+ Quy hoạch 02 bãi đỗ xe tĩnh tại phía Tây chùa Nguyệt Quang Tự và phía Nam khu trung tâm thể dục thể thao thị trấn quy hoạch mới.

1.5. Giao thông đường thủy

Thực hiện nạo vét luồng, duy trì cấp sông đối với sông Ninh Cơ.

2. Định hướng san nền, thoát nước mưa

2.1. San nền

- Đối với khu trung tâm thị trấn cũ: Cao độ nền khi xây dựng công trình mới và cải tạo công trình cũ đảm bảo hài hoà với cao độ nền xung quanh và không được ảnh hưởng tới thoát nước chung của khu vực.

- Khu vực quy hoạch mới cao độ nền xây dựng được xác định đảm bảo không chế phù hợp với điều kiện hiện trạng, đảm bảo độ dốc tự nhiên trung bình là 0,02%. Theo đó lựa chọn cao độ nền thiết kế dựa trên cao độ nền hiện trạng trục TL488B cũ: Cao độ san nền hoàn thiện thấp nhất: +2,0m. Cao độ san nền hoàn thiện cao nhất: +3,5m.

2.2. Thoát nước mưa

- Đối với khu vực dân cư cũ: Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống công chung được đặt trên vỉa hè dọc các trục đường chính. Những đoạn đường có dân hai bên đường thì nước được thoát trực tiếp vào hệ thống cống, những đoạn đường hai bên là ruộng, nước được thoát trực tiếp vào hệ thống kênh mương nội đồng.

- Đối với các khu chức năng xây dựng mới: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Toàn bộ thị trấn được phân chia thành 4 lưu vực thoát nước:

+ Lưu vực 1: Thoát nước cho khu vực phía Tây Bắc thị trấn, thoát ra kênh CC18, CC20 và sông Cổ Lễ - Cát Chử.

+ Lưu vực 2: Thoát nước cho khu vực phía Tây Nam thị trấn, thoát ra kênh CC20 và sông Cổ Lễ - Cát Chử, sau đó dẫn thoát ra sông Ninh Cơ.

+ Lưu vực 3: Thoát nước cho khu vực phía Đông sông Cổ Lễ - Cát Chử đến phía Tây sông Phú An, thoát ra sông Phú An và sông Cổ Lễ - Cát Chử, rồi dẫn thoát ra sông Ninh Cơ.

+ Lưu vực 4: Thoát nước cho khu vực phía Đông sông Phú An, thoát ra sông Phú An và dẫn thoát ra sông Ninh Cơ.

3. Hệ thống thủy lợi

- Đê và cống dưới đê: Thực hiện thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, cải tạo tuyến đê sông Ninh Cơ để đảm bảo an toàn trong mọi điều kiện thời tiết. Củng cố hệ thống kè mở giữ bãi ở khu vực xung yếu. Nâng cấp cống Phú An.

- Tiếp tục nâng cấp cải tạo hệ thống kênh mương cấp II, cấp III. Thực hiện nạo vét, kè kiên cố toàn bộ tuyến kênh Cổ Lễ - Cát Chử, kè kênh Phú An.

- Xây mới, cải tạo hệ thống cống, đập đáp ứng nhu cầu sản xuất. Nâng cấp trạm bơm Giá đảm bảo phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp.

4. Cấp nước

Nguồn cấp nước cho thị trấn Cát Thành được lấy cấp nước từ nhà máy nước thị trấn, cung cấp nước sạch sinh hoạt và sản xuất cho các hộ dân và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn thị trấn.

Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đến năm 2030 lấy bằng 120l/ng.ngđ; tổng nhu cầu dùng nước trên địa bàn thị trấn đến năm 2030 là 4.554 m³/ng.đ

5. Cấp điện

- Nhu cầu công suất điện: Điện sinh hoạt: 500W/người trên cơ sở thực tế nhu cầu sử dụng điện hiện nay; điện công trình công cộng: 30% điện sinh hoạt; điện công nghiệp: 200 kW/ha.

- Nguồn cấp điện cho thị trấn Cát Thành được lấy từ trạm 220kV Trục Ninh (E3.20), trạm 110kV Nam Ninh (E3.16). Trong tương lai để đảm bảo cấp điện cho thị trấn và các vùng phụ tải, thực hiện nâng công suất trạm 110kV Nam Ninh.

6. Quy hoạch hệ thống thông tin và truyền thông

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển bền vững, hiệu quả, tiết kiệm. Nâng cấp và xây dựng mới điểm bưu điện văn hoá, bưu cục phát triển mới các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính đa dịch vụ.

- Sử dụng chung cơ sở hạ tầng, hạ tầng ngầm giữa các doanh nghiệp viễn thông với các ngành. Thực hiện ngầm hoá các tuyến mạng ngoại vi dọc tuyến TL488B cũ và xây dựng cơ sở hạ tầng ngầm mới tại các khu dân cư mới, các tuyến phố mới.

7. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

7.1. Thoát nước thải

7.1.1. Phương án thoát nước thải

- Đối với khu vực dân cư cũ: Được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi dẫn về trạm xử lý nước thải qua hệ thống cống đặt trên vỉa hè dọc theo các trục đường chính, sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn về môi trường được dẫn thoát ra sông Ninh Cơ.

- Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải của đồ án này.

- Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước riêng dẫn nước thải về trạm xử lý.

- Đối với các khu vực sản xuất công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong từng cơ sở. Xây dựng trạm xử lý nước thải chung cho CCN, khu tập trung sản xuất kinh doanh (giáp sông Ninh Cơ). Nước thải sau khi được xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi dẫn ra hệ thống thoát nước chung.

7.1.2. Lưu vực thoát nước thải sinh hoạt - Hệ thống cống thoát nước thải

Chia thành 04 lưu vực thoát nước thải tương ứng với 04 lưu vực thoát nước mưa. Nước thải tại từng lưu vực được bơm, dẫn về 02 trạm xử lý chung của thị trấn để xử lý.

Mỗi lưu vực quy hoạch 1 tuyến cống thoát nước thải chính. Các tuyến cống chính được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường giao thông.

7.1.3. Lưu lượng thoát nước thải

Tổng lưu lượng nước thải tại thị trấn dự kiến là $3.373\text{m}^3/\text{ng.đ}$

Lưu lượng nước thải tính sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp. Lưu lượng nước thải công nghiệp, dịch vụ, công cộng tính bằng 80% lượng nước cấp.

7.1.4. Trạm bơm nước thải và trạm xử lý nước thải

- Quy hoạch 08 hố bơm nước thải chuyển tiếp, sử dụng máy bơm thả chìm đặt kết hợp trong giếng kín của hệ thống thu nước thải để bơm nước thải dẫn sang trạm xử lý nước thải chung.

- Quy hoạch 02 trạm xử lý nước thải với công nghệ hiện đại:

+ Khu xử lý nước thải vị trí 1: Quy hoạch mới trạm xử lý nước thải tại phía Nam tổ dân phố Trung Tiến, công suất $1.000\text{m}^3/\text{ngđ}$.

+ Khu xử lý nước thải vị trí 2: Quy hoạch tại vị trí Đông Nam thị trấn, giáp TBA 220KV, công suất $2.500\text{m}^3/\text{ngđ}$.

7.2. Vệ sinh môi trường

7.2.1. Chất thải rắn (CTR)

- Tiêu chuẩn CTR sinh hoạt: 0,8 (kg/người-ngày), tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 100%.

- Tiêu chuẩn CTR dịch vụ, công cộng: 15% CTR sinh hoạt.

- Tiêu chuẩn CTR công nghiệp (dự kiến): 0,3 tấn/ha.

CTR sinh hoạt được thu gom, sau đó được chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, thực hiện phân loại và xử lý. Bố trí các điểm trung chuyển, thu gom chất thải rắn không cố định kết hợp trong các khu cây xanh tập trung. Khi có khu xử lý rác thải sinh hoạt liên vùng, liên huyện sẽ thực hiện thu gom, vận chuyển tới khu xử lý tập trung liên vùng, liên huyện để xử lý.

CTR y tế được thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý hoặc chuyên khu xử lý CTR liên huyện, liên vùng để xử lý (đối với CTR y tế thông thường) và đến Trung tâm y tế huyện (đối với CTR y tế nguy hại).

CTR công nghiệp cần phân loại chất thải ngay tại nguồn, tận thu các phế liệu để tái chế, nhằm làm giảm khối lượng CTR cần vận chuyển và xử lý. CTR công nghiệp không nguy hại được chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý, CTR công nghiệp nguy hại phát sinh tại cơ sở sản xuất phải được chủ nguồn thải thuê đơn vị có chức năng xử lý.

7.2.2. Nghĩa trang

- Quy hoạch mở rộng khu nghĩa trang nhân dân phía Tây Bắc thị trấn về phía Đông và phía Nam thêm 2,32ha. Đồng thời trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực mở rộng nghĩa trang đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường

VII. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục tổ chức và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp về môi trường thị trấn. Tăng cường kiểm soát cơ cấu tổ chức quản lý môi trường các cấp (cấp CCN, cấp cơ sở sản xuất, cấp tổ dân phố). Thực hiện quan trắc định kỳ môi trường để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều tra, đánh giá các nguồn nước bị ô nhiễm và có giải pháp xử lý thích hợp. Áp dụng các biện pháp xử lý cuối đường ống và công nghệ xử lý nước thải tiên tiến nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất ô nhiễm trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đặc

biệt chú ý bảo vệ môi trường nước các sông trên địa bàn đô thị. Nghiêm cấm mọi hành động xả nước bẩn ra sông hồ.

VIII. CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Xây dựng tuyến đường Trục Tuấn - Yên Định.
- Nâng cấp đoạn tuyến TL488B cũ.
- Xây dựng hạ tầng cơ sở CCN Hùng Thành.
- Xây dựng hạ tầng cơ sở và các khu dịch vụ thương mại tại khu đất sử dụng hỗn hợp giáp đường Trục Tuấn - Yên Định.
- Tập trung hoàn thiện các công trình, hệ thống hạ tầng góp phần xây dựng thị trấn đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.
- Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống các trục giao thông liên khu vực, trục giao thông khu vực chính tạo tính liên kết giữa các phân khu phát triển trong tổng thể giao thông thị trấn đồng thời hình thành hạ tầng cơ sở để khai thác hiệu quả các quỹ đất cho phát triển các chức năng đô thị, dịch vụ thương mại đi kèm.

2. Nguồn lực thực hiện

Đa dạng hoá nguồn vốn từ các khu vực, thành phần kinh tế: Vốn ngân sách Nhà nước; huy động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; nguồn vốn ODA và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; các nguồn vốn hợp pháp khác.

IX. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000)" kèm theo đồ án này.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện Trục Ninh

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.
- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Căn cứ Đồ án quy hoạch phân khu được duyệt triển khai việc lập quy hoạch chi tiết các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.
- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

2. Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Trục Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Lan Anh